

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

**BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2008/QĐ-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**ban hành Chương trình khung trình độ trung cấp nghề,
Chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề
“Kế toán doanh nghiệp”**

BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Luật dạy nghề ngày 29 tháng 11 năm 2006;

trình độ cao đẳng nghề “Kế toán doanh nghiệp”;

Căn cứ Nghị định số 186/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Theo đề nghị của Tổng cục Trưởng Tổng cục Dạy nghề,

Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 04/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định về việc ban hành chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ chương trình khung trình độ trung cấp nghề, chương trình khung trình độ cao đẳng nghề cho nghề: “Kế toán doanh nghiệp”.

Trên cơ sở bộ chương trình khung nói trên, Hiệu trưởng các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp, trình

độ cao đẳng xác định, tổ chức thẩm định và duyệt chương trình dạy nghề áp dụng cho trường mình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tổ chức chính trị - Xã hội và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Tổng cục Dạy nghề, các trường cao đẳng nghề, trường trung cấp nghề,

trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học có đăng ký hoạt động dạy nghề trình độ trung cấp và trình độ cao đẳng cho nghề “Kế toán doanh nghiệp” và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP NGHỀ

(ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BLĐTBXH

ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên nghề: Kế toán doanh nghiệp

Mã nghề:

Trình độ đào tạo: Trung cấp nghề

Đối tượng tuyển sinh: - Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương;

- Tốt nghiệp Trung học cơ sở và tương đương, có bổ sung văn hóa trung học phổ thông theo quyết định Bộ Giáo dục - Đào tạo ban hành.

Số lượng môn học đào tạo: 25

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Trung cấp nghề.

1. Mục tiêu Đào tạo:

1.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp

- Kiến thức:

+ Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán được giao.

+ Vận dụng được kiến thức tin học trong công tác kế toán.

+ Vận dụng được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán vào thực tiễn.

+ Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán.

+ Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết.

+ Tổ chức được công tác kế toán phù hợp với doanh nghiệp.

+ Lập được báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp.

+ Phân tích được tình hình tài chính doanh nghiệp.

+ Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp.

+ Cung cấp được một số thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của

đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị.

+ Lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

+ Sử dụng thành thạo 2 đến 3 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng.

1.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Có lòng yêu nước, yêu CNXH, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước.

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác.

+ Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao.

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chày...

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ.

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an.

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 2 năm

- Thời gian học tập: 90 tuần

- Thời gian thực học tối thiểu: 2.550h

- Thời gian ôn kiểm tra hết môn và thi: 280h; trong đó thi tốt nghiệp: 80h.

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 210h

- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 2.340h

+ Thời gian học bắt buộc: 1.935h; thời gian học tự chọn: 405h

+ Thời gian học lý thuyết: 810h; Thời gian học thực hành: 1.530h

3. Danh mục các môn học đào tạo nghề bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian; Đề cương chi tiết chương trình môn học đào tạo nghề bắt buộc

3.1. Danh mục các môn học đào tạo nghề bắt buộc

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
I	Các môn học chung			210	210	
MH 01	Chính trị	1	I	30	30	
MH 02	Pháp luật	1	I	15	15	
MH 03	Giáo dục thể chất	1	I	30	30	
MH 04	Giáo dục quốc phòng	1	I	45	45	
MH 05	Tin học	1	I	30	30	
MH 06	Ngoại ngữ	1	I	60	60	
II	Các môn học đào tạo nghề bắt buộc			1.935	600	1.335
II.1	Các môn học cơ sở			435	290	145
MH 07	Kinh tế chính trị	1	I	90	60	30
MH 08	Luật kinh tế	1	I	30	20	10
MH 09	Soạn thảo văn bản	1	I	45	30	15
MH 10	Kinh tế vi mô	1	I	60	40	20

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
MH 11	Lý thuyết thống kê	1	I	45	30	15
MH 12	Lý thuyết tài chính	1	II	45	30	15
MH 13	Lý thuyết tiên tệ tín dụng	1	II	45	30	15
MH 14	Lý thuyết kế toán	1	II	75	50	25
II.2	Các môn học chuyên môn nghề			1.500	310	1.190
MH 15	Quản trị doanh nghiệp	2	I	45	30	15
MH 16	Thống kê doanh nghiệp	1	II	60	30	30
MH 17	Thuế	1	II	60	30	30
MH 18	Tài chính doanh nghiệp	2	I	75	45	30
MH 19	Kế toán doanh nghiệp	2	I	210	105	105
MH 20	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	I	60	30	30
MH 21	Kiểm toán	2	I	30	15	15
MH 22	Tin học kế toán	2	I	60	25	35
MH 23	Thực hành kế toán doanh nghiệp	1	I + II	225		225
MH 24	Thực tập nghề nghiệp	2	II	165		165
MH 25	Thực tập tốt nghiệp	2	II	510		510
	Tổng cộng			2.145	810	1.335

3.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học đào tạo nghề bắt buộc

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1A).

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐTCN để xác định chương trình dạy nghề

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học đào tạo nghề tự chọn

Môn học đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng miền của từng địa phương.

Ngoài các môn học đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục 3, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này (mang tính tham khảo) để áp dụng cho Trường/Cơ sở của mình.

Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

- Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề.
- Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể.

- Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định.

- Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

Thời gian đào tạo các môn học tự chọn chiếm khoảng (20 - 30%) tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ (65 - 85%) và lý thuyết từ 15 - 35%.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và đề cương chi tiết chương trình cho từng môn học đào tạo nghề tự chọn.

4.2.1. Danh mục môn học đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian

Các môn tự chọn được gợi ý đưa vào chương trình khung là 8 môn với tổng thời gian học là 405 giờ, trong đó 210 giờ lý thuyết và 195 giờ thực hành.

Các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tham khảo trong số các môn học gợi ý ở bảng sau:

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
MH 26	Quản trị học	1	II	45	25	20
MH 27	Marketing	1	II	30	20	10
MH 28	Kinh tế quốc tế	1	II	45	25	20

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
MH 29	Quản lý ngân sách	2	II	45	20	25
MH 30	Thị trường chứng khoán	2	II	60	30	30
MH 31	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	II	60	30	30
MH 32	Kế toán ngân sách xã, phường	2	II	60	30	30
MH 33	Kế toán hợp tác xã	2	II	60	30	30
.....					
	Tổng cộng			405	210	195

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học đào tạo nghề tự chọn

- Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ nhất hoặc năm học thứ hai tùy tính chất từng môn học).

- Về thời lượng của từng môn học, các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu.

4.3. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường

Chương trình chi tiết của môn học

bắt buộc đã được xây dựng cụ thể, chi tiết trong chương trình khung đến từng chương, mục, từng học kỳ của từng môn học. Các Trường/Cơ sở dạy nghề có đào tạo nghề kế toán doanh nghiệp căn cứ vào chương trình này để thực hiện kế hoạch giảng dạy theo chương trình.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học đào tạo nghề tự chọn

- Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng miền.

- Nếu Trường/Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong CTK này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục 3. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Trường/Cơ sở của mình.

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp.

4.5.1. Kiểm tra kết thúc môn học

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành.
- Thời gian kiểm tra:
- + Lý thuyết: Không quá 120 phút
- + Thực hành: Không quá 8 giờ

4.5.2. Thi tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp nghề.
- Các môn thi tốt nghiệp:
- + Chính trị: Theo quy định hiện hành.
- + Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Tài chính doanh nghiệp, Thuế.
- + Thực hành nghề: Các kỹ năng về: Lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán; Sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết; Lập báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp (nâng cao)
- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường/Cơ sở dạy

nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp.

4.7. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động thực hành, thực tập

- Thực hành kế toán: Thời gian và nội dung theo đề cương khung chương trình.

- Thực tập nghề nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo khung chương trình.

+ Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào khung chương trình, xây dựng đề cương báo cáo thực tập.

- Thực tập tốt nghiệp:

+ Thời gian và nội dung theo khung chương trình.

+ Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào khung chương trình, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ*(ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BLĐTBXH**ngày 31 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)*

Tên nghề: Kế toán doanh nghiệp

Mã nghề: KTDN

Trình độ đào tạo: Cao đẳng nghề

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương.

Số lượng môn học đào tạo: 30

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng nghề.

1. Mục tiêu Đào tạo**1.1. Kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp****- Kiến thức:**

+ Vận dụng được kiến thức về pháp luật, kinh tế - xã hội, tài chính - tiền tệ, kế toán, kiểm toán trong việc thực hiện nghiệp vụ kế toán được giao.

+ Vận dụng được kiến thức tin học, ngoại ngữ trong công tác kế toán.

+ Vận dụng được hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán vào thực tiễn.

+ Xác định được cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp.

+ Cập nhật được các chính sách phát triển kinh tế và các chế độ về tài chính, kế toán, thuế vào công tác kế toán tại doanh nghiệp.

+ Đánh giá được tình hình hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

- Kỹ năng:

+ Lập được chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý được chứng từ kế toán.

+ Sử dụng được chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết.

+ Tổ chức được công tác tài chính kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp.

+ Lập được báo cáo kế toán tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp.

+ Thiết lập mối quan hệ với ngân hàng và các tổ chức tín dụng.

+ Sử dụng thành thạo 2 đến 3 phần mềm kế toán doanh nghiệp thông dụng.

+ Phân tích được tình hình kinh tế, tài chính doanh nghiệp.

+ Kiểm tra, đánh giá được công tác tài chính, kế toán của doanh nghiệp.

+ Cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế về hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị để phục vụ cho yêu cầu lãnh đạo và quản lý kinh tế ở đơn vị.

+ Tham mưu được cho lãnh đạo doanh nghiệp những ý kiến cải tiến làm cho công tác kế toán và công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp đúng pháp luật.

+ Lập được kế hoạch tài chính doanh nghiệp.

1.2. Chính trị, đạo đức; Thể chất và quốc phòng

- Chính trị, đạo đức:

+ Có hiểu biết về một số kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp, Pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

+ Có hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế của Đảng, thành tựu và định hướng phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

+ Có lòng yêu nước, yêu CNXH, trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và lợi ích của đất nước.

+ Có đạo đức, yêu nghề và có lương tâm nghề nghiệp.

+ Có ý thức tổ chức kỷ luật và tác phong công nghiệp, nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỷ mỉ, chính xác.

+ Tuân thủ các quy định của luật kế toán, tài chính, chịu trách nhiệm cá nhân đối với nhiệm vụ được giao.

+ Có tinh thần tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng nhu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

+ Có đủ sức khỏe để học tập, công tác lâu dài, sẵn sàng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Hiểu biết một số phương pháp luyện tập và đạt kỹ năng cơ bản một số môn thể dục, thể thao như: Thể dục, Điền kinh, Bóng chuyền...

+ Có hiểu biết cơ bản về công tác quốc phòng toàn dân, dân quân tự vệ.

+ Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về quân sự phổ thông cần thiết của người chiến sĩ, vận dụng được trong công tác bảo vệ trật tự trị an.

+ Có ý thức kỷ luật và tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc.

2. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu

2.1. Thời gian của khóa học và thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian đào tạo: 3 năm.

- Thời gian học tập: 131 tuần.

- Thời gian thực học tối thiểu: 3.750h
- Thời gian ôn kiểm tra hết môn và thi: 400h; trong đó thi tốt nghiệp 80h.

2.2. Phân bổ thời gian thực học tối thiểu:

- Thời gian học các môn học chung bắt buộc: 450h.
- Thời gian học các môn học đào tạo nghề: 3.300h.

- + Thời gian học bắt buộc: 2.745h;
- Thời gian học tự chọn: 555h

- + Thời gian học lý thuyết: 1.155h;
- Thời gian học thực hành: 2.145h

3. Danh mục các môn học đào tạo nghề bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian; đề cương chi tiết chương trình môn học đào tạo nghề bắt buộc

3.1. Danh mục các môn học đào tạo nghề bắt buộc

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
I	Các môn học chung			450	450	
MH 01	Chính trị	1	I	90	90	
MH 02	Pháp luật	1	I	30	30	
MH 03	Giáo dục thể chất	1	I	60	60	
MH 04	Giáo dục quốc phòng	1	I	75	75	
MH 05	Tin học	1	I	75	75	
MH 06	Ngoại ngữ	1	I	120	120	
II	Các môn học đào tạo nghề bắt buộc			2.745	870	1.875
II.1	Các môn học cơ sở			630	420	210
MH 07	Kinh tế chính trị	1	I	90	60	30
MH 08	Luật kinh tế	1	II	30	20	10
MH 09	Toán kinh tế	1	II	60	40	20

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
MH 10	Soạn thảo văn bản	1	II	45	30	15
MH 11	Anh văn chuyên ngành	1	II	60	40	20
MH 12	Kinh tế vi mô	1	II	60	40	20
MH 13	Lý thuyết thống kê	1	II	45	30	15
MH 14	Lý thuyết tài chính	1	II	75	50	25
MH 15	Lý thuyết tiền tệ tín dụng	1	II	45	30	15
MH 16	Lý thuyết kế toán	1	II	75	50	25
MH 17	Kinh tế vĩ mô	2	I	45	30	15
II.2	Các môn học chuyên môn nghề			2.115	450	1.665
MH 18	Quản trị doanh nghiệp	2	II	60	40	20
MH 19	Thống kê doanh nghiệp	2	I	60	30	30
MH 20	Thuế	2	I	60	30	30
MH 21	Tài chính doanh nghiệp	2	I	120	70	50
MH 22	Kế toán doanh nghiệp	2	I	285	135	150
MH 23	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	I	60	30	30
MH 24	Lập và phân tích dự án	3	I	60	30	30
MH 25	Kế toán quản trị	3	I	60	30	30
MH 26	Kiểm toán	3	I	60	30	30
MH 27	Tin học kế toán	3	I	60	25	35

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
MH 28	Thực hành kế toán	2	II	390		390
MH 29	Thực tập nghề nghiệp	3	II	200		200
MH 30	Thực tập tốt nghiệp	3	II	640		640
	Tổng cộng			3.195	1.320	1.875

3.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học đào tạo nghề bắt buộc

(Nội dung chi tiết được kèm theo tại phụ lục 1B).

4. Hướng dẫn sử dụng CTKTĐTCN để xác định chương trình dạy nghề

4.1. Hướng dẫn xác định thời gian cho các môn học đào tạo nghề tự chọn

Môn học đào tạo nghề tự chọn nhằm mục đích đáp ứng nhu cầu đào tạo những kiến thức, kỹ năng cần thiết mang tính đặc thù riêng trong từng ngành cụ thể hoặc tính đặc thù của vùng miền của từng địa phương.

Ngoài các môn học đào tạo nghề bắt buộc nêu trong mục 3, các Trường/cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc lựa chọn một số môn học đào tạo nghề tự chọn được đề nghị trong chương trình khung này

(mang tính tham khảo) để áp dụng cho Trường/cơ sở của mình.

Việc xác định các môn học tự chọn dựa vào các tiêu chí cơ bản như sau:

- Đảm bảo mục tiêu đào tạo chung của nghề.
- Đáp ứng được nhu cầu cần thiết của từng ngành, từng địa phương (vùng, lãnh thổ) hoặc của từng doanh nghiệp cụ thể.
- Đảm bảo thời gian đào tạo theo quy định.
- Đảm bảo tỷ lệ thời gian (lý thuyết, thực hành) theo quy định.

Thời gian đào tạo các môn học tự chọn chiếm khoảng (20 - 30%) tổng thời gian học tập các môn học đào tạo nghề. Trong đó thực hành chiếm từ (65 - 85%) và lý thuyết từ 15 - 35%.

4.2. Hướng dẫn xác định danh mục các môn học đào tạo nghề tự chọn; thời gian, phân bổ thời gian và đề cương chi tiết chương trình cho từng môn học đào tạo nghề tự chọn.

4.2.1. Danh mục môn học đào tạo nghề tự chọn và phân phối thời gian

Các môn tự chọn được gợi ý đưa vào chương trình khung là 10 môn với tổng thời gian học là 555 giờ, trong đó 285 giờ lý thuyết và 270 giờ thực hành.

Các Trường/cơ sở dạy nghề có thể tham khảo trong số các môn học gợi ý ở bảng sau:

Mã môn học	Tên môn học	Thời gian đào tạo		Thời gian của môn học (giờ)		
		Năm học	Học kỳ	Tổng số	Trong đó	
					LT	TH
MH 31	Quản trị học	1	II	45	25	20
MH 32	Marketing	2	I	60	35	25
MH 33	Kinh tế phát triển	2	I	45	25	20
MH 34	Tâm lý học quản lý	2	I	45	30	15
MH 35	Kinh tế quốc tế	2	I	45	25	20
MH 36	Quản lý ngân sách	2	II	45	25	20
MH 37	Thị trường chứng khoán	2	II	60	30	30
MH 38	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	II	75	30	45
MH 39	Kế toán ngân sách xã, phường	3	I	75	30	45
MH 40	Kế toán hợp tác xã	3	I	60	30	30
....					
	Tổng cộng			555	285	270

4.2.2. Đề cương chi tiết chương trình môn học đào tạo nghề tự chọn

Về thời gian đào tạo các môn học tự chọn, các Trường/Cơ sở dạy nghề tự bố trí, cân đối vào các học kỳ cho phù hợp tiến độ và tính chất môn học (Có thể bố trí vào năm học thứ nhất, năm học thứ hai hoặc năm học thứ ba tùy tính chất từng môn học)

Về thời lượng của từng môn học, các Trường/Cơ sở dạy nghề có thể tự cân đối, thay đổi sao cho phù hợp với nội dung yêu cầu.

4.3. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học đào tạo nghề bắt buộc trong chương trình dạy nghề của trường

Chương trình chi tiết của môn học bắt buộc đã được xây dựng cụ thể, chi tiết trong chương trình khung đến từng chương, mục, từng học kỳ của từng môn học. Các Trường/Cơ sở dạy nghề có đào tạo nghề kế toán doanh nghiệp căn cứ vào chương trình này để thực hiện kế hoạch giảng dạy theo chương trình.

4.4. Hướng dẫn xây dựng chương trình chi tiết của các môn học đào tạo nghề tự chọn

Thời gian, nội dung của các môn học đào tạo nghề tự chọn do Trường/Cơ sở dạy nghề tự xây dựng hoặc có thể tham khảo, điều chỉnh từ các môn học đề nghị

trong chương trình khung này trên cơ sở đảm bảo mục tiêu đào tạo và yêu cầu đặc thù của ngành nghề hoặc vùng miền.

Nếu Trường/Cơ sở dạy nghề chọn trong số các môn học đào tạo nghề tự chọn đề nghị trong CTK này thì tiến hành xây dựng đề cương chi tiết từng bài học cho từng chương cụ thể theo mẫu ở mục 3. Sau đó tiến hành thẩm định và ban hành chương trình chi tiết các môn học đào tạo nghề tự chọn cho Trường/Cơ sở của mình.

4.5. Hướng dẫn kiểm tra sau khi kết thúc môn học đào tạo nghề và hướng dẫn thi tốt nghiệp.

4.5.1. Kiểm tra kết thúc môn học

- Hình thức kiểm tra hết môn: Viết, vấn đáp, trắc nghiệm, bài tập thực hành.

- Thời gian kiểm tra:

+ Lý thuyết: Không quá 120 phút.

+ Thực hành: Không quá 8 giờ

4.5.2. Thi tốt nghiệp

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp nghề.

- Các môn thi tốt nghiệp:

+ Chính trị: Theo quy định hiện hành.

+ Lý thuyết nghề: Các kiến thức trọng tâm về: Tài chính doanh nghiệp, Thuế.

- + Thực hành nghề: Các kỹ năng về: tài chính và báo cáo thuế của doanh nghiệp (nâng cao).
 Lập chứng từ, kiểm tra, phân loại, xử lý chứng từ kế toán; Sử dụng chứng từ kế toán trong ghi sổ kế toán tổng hợp và chi tiết; Lập báo cáo kế toán
- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 120 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		
	- Lý thuyết nghề	Viết, vấn đáp, trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề	Bài thi thực hành	Không quá 24 giờ

4.6. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa

- Nhằm mục đích giáo dục toàn diện để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Trường/Cơ sở dạy nghề có thể bố trí tham quan, học tập dã ngoại tại một số doanh nghiệp hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh phù hợp với nghề đào tạo thích hợp.

- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm thích hợp.

4.7. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung cho các hoạt động thực hành, thực tập

- Thực hành kế toán: Thời gian và nội dung theo đề cương khung chương trình.

- Thực tập nghề nghiệp:
 + Thời gian và nội dung theo khung chương trình.

+ Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào khung chương trình, xây dựng đề cương báo cáo thực tập.

- Thực tập tốt nghiệp:
 + Thời gian và nội dung theo khung chương trình.

+ Các Trường/Cơ sở dạy nghề căn cứ vào khung chương trình, xây dựng đề cương báo cáo thực tập./.

KT. BỘ TRƯỞNG
 THỨ TRƯỞNG

Đàm Hữu Đắc